

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

BẢN CÔNG BÁO THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tổ chức thực hiện đấu giá



Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội
Số 2 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tổ chức tư vấn



Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hà Nội, tháng 09 năm 2007

MỤC LỤC

I.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH	5
1.	Tổ chức phát hành	5
2.	Tổ chức tư vấn	5
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
1.	Tổ chức phát hành	6
2.	Tổ chức tư vấn	6
III.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	7
1.	Giới thiệu về công ty	7
2.	Ngành nghề kinh doanh	7
3.	Quá trình hình thành và phát triển.....	9
4.	Các văn bản thành lập doanh nghiệp.....	9
5.	Tình hình Công ty 5 năm trước khi cổ phần hóa	9
6.	Giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa	16
7.	Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	17
8.	Diện tích Văn phòng sử dụng và đất thuộc quyền sở hữu:	18
9.	Tóm tắt lý lịch Ban lãnh đạo	19
IV.	PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU KHI CHUYỂN SANG HÌNH THỨC TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN.....	26
1.	Tên công ty cổ phần	26
2.	Ngành nghề kinh doanh	26
3.	Hình thức cổ phần hoá	26
4.	Vốn điều lệ	26
5.	Cơ cấu tổ chức của PVFC	27
6.	Chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm sau Cổ phần hoá (2007 - 2011).....	29
7.	Các giải pháp thực hiện kế hoạch	37
V.	CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	39
1.	Rủi ro về lãi suất	39
2.	Rủi ro về hoạt động tín dụng.....	39
3.	Rủi ro về hoạt động đầu tư.....	39
4.	Rủi ro về hoạt động ngoại hối.....	39
5.	Rủi ro về pháp luật	39
6.	Rủi ro khác	39
VI.	GIỚI THIỆU ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	40
1.	Cổ phần phát hành ra công chúng	40
2.	Tóm tắt về cơ cấu vốn cổ đông sau khi phát hành	40
3.	Phương thức bán cổ phần.....	40
4.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	40
VII.	THAY LỜI KẾT	41

TÓM TẮT THÔNG TIN

VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

- Số lượng cổ phần bán đấu giá: **59.638.900** cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá một cổ phần: **10.000** đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm: **51.000** đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: **100** cổ phần
- Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa: **59.638.900** cổ phần
- Vốn điều lệ: **5.000.000.000.000** đồng
- Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành ra bên ngoài:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần (Đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	350.000.000	70,00%	3.500.000.000.000
2	Cổ phần bán ra ngoài	150.000.000	30,00%	1.500.000.000.000
	Trong đó:			
2.1	<i>Phần ưu đãi cho CB CNV</i>	361.100	0,07%	3.611.000.000
2.2	<i>Phần bán đấu giá công khai trên TTGDCK</i>	59.638.900	11,93%	596.389.000.000
2.3	<i>Phần bán cho Cổ đông chiến lược nước ngoài</i>	90.000.000	18,00%	900.000.000.000
	TỔNG CỘNG 1+2	500.000.000	100%	5.000.000.000.000

- Địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá (*Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty Tài chính Dầu khí do TTGDCK Hà Nội ban hành*).
- Thời gian đăng ký tại các Đại lý: (*Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty Tài chính Dầu khí do TTGDCK Hà Nội ban hành*).

- Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá: ***(Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty Tài chính Dầu khí do TTGDCK Hà Nội ban hành).***
- Thời gian tổ chức đấu giá: ***(Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty Tài chính Dầu khí do TTGDCK Hà Nội ban hành).***
- Địa điểm tổ chức đấu giá:

**Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.**

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá tại các Đại lý: ***(Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty Tài chính Dầu khí do TTGDCK Hà Nội ban hành).***
- Thời gian nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá: ***(Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty Tài chính Dầu khí do TTGDCK Hà Nội ban hành).***

I. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC)

Địa chỉ : 72 Trần Hưng Đạo – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại : (84).4.9426800

Fax : (84) 4.9.426.796

Email: pvfc@pvfc.com.vn

Website: www.pvfc.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 8.242.897

Fax: (84.8) 8.247.430

E-mail : ssi@ssi.com.vn

Website : www.ssi.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ : 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 936 6321

Fax: (84.4) 936 6311

Email : ssi_hn@ssi.com.vn

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

Ông Tống Quốc Trường Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC) trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Nguyễn Duy Hưng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC) cung cấp. Chúng tôi bảo đảm rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu về công ty

- Tên tiếng Việt: **Công ty Tài chính Dầu khí**
- Tên tiếng Anh: **Petrovietnam Finance Company**
- Tên viết tắt: **PVFC**
- Địa chỉ: 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-9 426 800 Fax : 84-4-9 426 796
- E-mail: pvfc@pvfc.com.vn Website: www.pvfc.com.vn

2. Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000273 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2006, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

▪ *Huy động vốn:*

- Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế;
- Tiếp nhận vốn uỷ thác của Chính phủ, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;

▪ *Cho vay:*

- Cho vay ngắn hạn, cho vay trung hạn và dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Cho vay theo uỷ thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật các tổ chức tín dụng và hợp đồng uỷ thác;
- Cho vay theo tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp;

▪ *Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác:*

- Được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức và cá nhân;
- Được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác với các tổ chức tín dụng khác;

- *Bảo lãnh*: Được bảo lãnh bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Việc bảo lãnh của Công ty Tài chính Dầu khí phải được theo quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- *Được cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước*;
- *Mở tài khoản*:
 - Công ty Tài chính Dầu khí được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi Công ty tài chính đặt trụ sở chính và ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Việc mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép;
 - Công ty Tài chính Dầu khí có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì tại đó số dư bình quân không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- *Dịch vụ ngân quỹ*: Được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng;
- *Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các Doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác; Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng*;
- *Tham gia thị trường tiền tệ*;
- *Được quyền nhận uỷ thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng*;
- *Cung ứng dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng*;
- *Mua bán ngoại tệ với khách hàng, cụ thể*:
 - (a) Mua ngoại tệ từ Tổng công ty Dầu khí, các Doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng công ty Dầu khí và các khách hàng có quan hệ tín dụng từ các nguồn thu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các đối tượng này;
 - (b) Bán ngoại tệ cho các đối tượng nêu tại điểm (a) để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của họ;
 - (c) Mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam để đảm bảo nguồn ngoại tệ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các đối tượng nêu tại điểm (a) và hoạt động ngân hàng của Công ty Tài chính Dầu khí;
 - (d) Bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam để đảm bảo nguồn tiền đồng Việt Nam đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các đối tượng nêu tại điểm (a) và hoạt động ngân hàng của Công ty Tài chính Dầu khí;
 - (e) Thu đổi và đặt bàn đổi ngoại tệ;

- Được thực hiện hoạt động bao thanh toán trong nước; Thực hiện các dịch vụ kiều hối, kinh doanh vàng;
- Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các Doanh nghiệp;
- Cung ứng dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác.

3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC) là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng và là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 04/2000/QĐ-VPCP ngày 30 tháng 3 năm 2000 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm văn phòng chính phủ.

Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2000 theo Giấy phép hoạt động số 12/GP-NHNN ngày 25 tháng 10 năm 2000 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam ban hành kèm theo Quyết định số 456/2000/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 10 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 113108 ngày 23 tháng 8 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp.

4. Các văn bản thành lập doanh nghiệp

- Quyết định số 04/2000/QĐ-VPCP ngày 30 tháng 3 năm 2000 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm văn phòng chính phủ về việc thành lập Công ty Tài chính Dầu khí là thành viên của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
- Quyết định số 12/GP-NHNN ngày 25/10/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước về việc cấp giấy phép hoạt động cho Công ty Tài chính Dầu khí của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9, số 0106000273 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2006.

5. Tình hình Công ty 5 năm trước khi cổ phần hóa

5.1 Thuận lợi, khó khăn trước cổ phần hóa

Thuận lợi

Công ty nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ lớn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Trong 5 năm qua, vốn điều lệ của PVFC được tăng từ 100 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng, đưa PVFC trở thành Công ty Tài chính Nhà nước có vốn điều lệ cao nhất. Đây là thuận

lợi rất lớn trong việc đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường tài chính tiền tệ.

Hệ thống pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính từng bước được xây dựng chặt chẽ và hoàn thiện đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động của Công ty.

Sự ủng hộ về nhiều mặt của các đơn vị thành viên, các Ngân hàng thương mại quốc doanh, ngân hàng cổ phần, các tổ chức tài chính khác đã tạo động lực cho sự phát triển của PVFC.

Khó khăn

PVFC phải đối mặt với sự cạnh tranh từ hệ thống các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước đang ngày càng phát triển mạnh về số lượng, qui mô và cơ cấu và sự hiện diện của các định chế tài chính nước ngoài.

Khó khăn trong việc thu xếp vốn cho các dự án trong ngành do tiến độ triển khai dự án chậm.

Đội ngũ nhân viên có trình độ tốt nhưng còn ít kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn, được xây dựng từ đầu. Công tác quản lý và trình độ của CBNV cần được nâng cao hơn nữa để phù hợp với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của Công ty.

Mạng lưới hoạt động còn hạn chế, hiện nay PVFC mới có trụ sở chính Hà Nội và các chi nhánh tại Hà Nội, TP HCM, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Hải Phòng, Nam Định, Cần Thơ. Do mạng lưới mỏng nên việc tiếp cận các dự án, mở rộng đối tượng khách hàng và triển khai hoạt động của Công ty tại địa bàn khác chưa thuận lợi.

5.2 Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty 05 năm trước Cổ phần hoá

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh của PVFC giai đoạn 2002 - 2006

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2002	2003	2004	2005	2006
Tài sản và nguồn vốn					
Tổng tài sản	1.230.625	2.895.532	4.207.024	6.828.142	18.143.649
Vốn chủ sở hữu	106.194	112.402	318.531	359.674	1.134.859
Kết quả kinh doanh					
Doanh thu	65.534	133.881	214.799	429.127	1.023.421
Chi phí	60.372	127.947	206.499	400.263	897.119
Lợi nhuận trước thuế	5.162	5.934	8.300	28.864	126.302
Thuế TNDN phải nộp	1.652	(*)	(*)	10.512	34.095
LN thực hiện sau thuế	3.510	5.934	8.300	18.352	92.207
Các chỉ tiêu tài chính					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản (%)	0,42	0,20	0,20	0,42	0,70
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	4,86	5,28	2,61	8,03	11,13
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (%)	7,88	4,43	3,86	6,73	12,34
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	3,31	5,28	2,61	5,10	8,12

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ năm 2002 đến năm 2006 của Công ty Tài chính Dầu khí

(*) Ghi chú: Do tại thời điểm lập Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2003 và 2004 chưa có Báo cáo quyết toán thuế nên số liệu về thuế trong năm 2003 và 2004 chưa có trong Báo cáo kiểm toán.

5.3 Thị trường tiêu thụ

a. Thị trường

Hiện nay, thị trường hoạt động của Công ty đã mở rộng khắp tại các khu vực kinh tế trọng điểm của đất nước và khu vực có hoạt động dầu khí như Hà Nội, Tp.HCM, Vũng Tàu, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nam Định...

b. Khách hàng và đối tác:

Khách hàng và đối tác của Công ty bao gồm:

- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam: Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn là các khách hàng chủ yếu của Công ty.
- Các tổ chức tài chính ngân hàng: PVFC đã có mối quan hệ chặt chẽ với hầu hết các tổ chức tài chính ngân hàng tại Việt Nam, bao gồm các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, Công ty Tài chính, Công ty chứng khoán, các Quỹ đầu tư....
- Các tổ chức kinh tế: Ngoài các đơn vị trong Tập đoàn, PVFC đã mở rộng đối tác khách hàng ra các tổ chức kinh tế ngoài ngành. Hiện nay PVFC đã ký thoả thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp và tổ chức kinh tế lớn như: Tổng Công ty Sông Đà, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, Tổng Công ty Bạch Đằng, Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị...
- Các cá nhân trong và ngoài ngành: Hiện nay PVFC đã triển khai rộng rãi các sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân như huy động tiền gửi có kỳ hạn, uỷ thác quản lý vốn cá nhân, cho vay cá nhân, uỷ thác đầu tư...

5.4 Cơ cấu tổ chức và lao động

a. Cơ cấu tổ chức

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty đến thời điểm hiện nay như sau:

Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty. Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt

động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Tổng giám đốc hiện tại gồm 01 Tổng giám đốc và 05 Phó Tổng giám đốc.

Khối quản lý

Khối quản lý gồm 10 phòng, ban, có chức năng Tham mưu và giúp Tổng giám đốc chỉ đạo công tác hoạch định kế hoạch và thị trường, công tác nhân sự, công tác tài chính kế toán, công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư, thẩm định dự án,

Các phòng ban bao gồm:

- Phòng Kế hoạch & Thị trường
- Phòng Tổ chức nhân sự & Tiền lương
- Phòng Kế toán
- Phòng Kiểm tra, Kiểm soát nội bộ
- Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư
- Văn phòng
- Phòng Hành chính quản trị
- Phòng Thẩm định độc lập
- Trung tâm TT & CNTH
- Trung tâm đào tạo

Khối kinh doanh

Khối kinh doanh gồm 06 phòng ban, có chức năng kinh doanh, tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty trong công tác đầu tư, quản lý dòng tiền, dịch vụ tài chính, quản lý vốn ủy thác đầu tư, thu xếp vốn và tín dụng,.....

Các phòng ban bao gồm:

- Phòng Thu xếp vốn & Tín dụng doanh nghiệp
- Phòng Quản lý dòng tiền
- Phòng Dịch vụ tài chính
- Phòng Đầu tư
- Phòng Quản lý vốn ủy thác đầu tư
- Phòng GDTT Láng Hạ

Hệ thống các chi nhánh của Công ty gồm 08 chi nhánh:

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 208 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Vũng Tàu
Địa chỉ: Số 8 Hoàng Diệu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu
- Chi nhánh Cần Thơ
Địa chỉ: 131A, Trần Hưng Đạo, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

- Chi nhánh Đà Nẵng
Địa chỉ: 234 Đường Nguyễn Văn Linh - Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Nam Định
Địa chỉ: 26 Lê Hồng Phong, Thành phố Nam Định
- Chi nhánh Hải phòng
Địa chỉ: Số 5 Hồ Xuân Hương, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
- Chi nhánh Sài Gòn
Địa chỉ: Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 01 – 05 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
- Chi nhánh Thăng Long
Địa chỉ: Tầng 1 & 2 tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Hà Nội.

Hệ thống phòng giao dịch

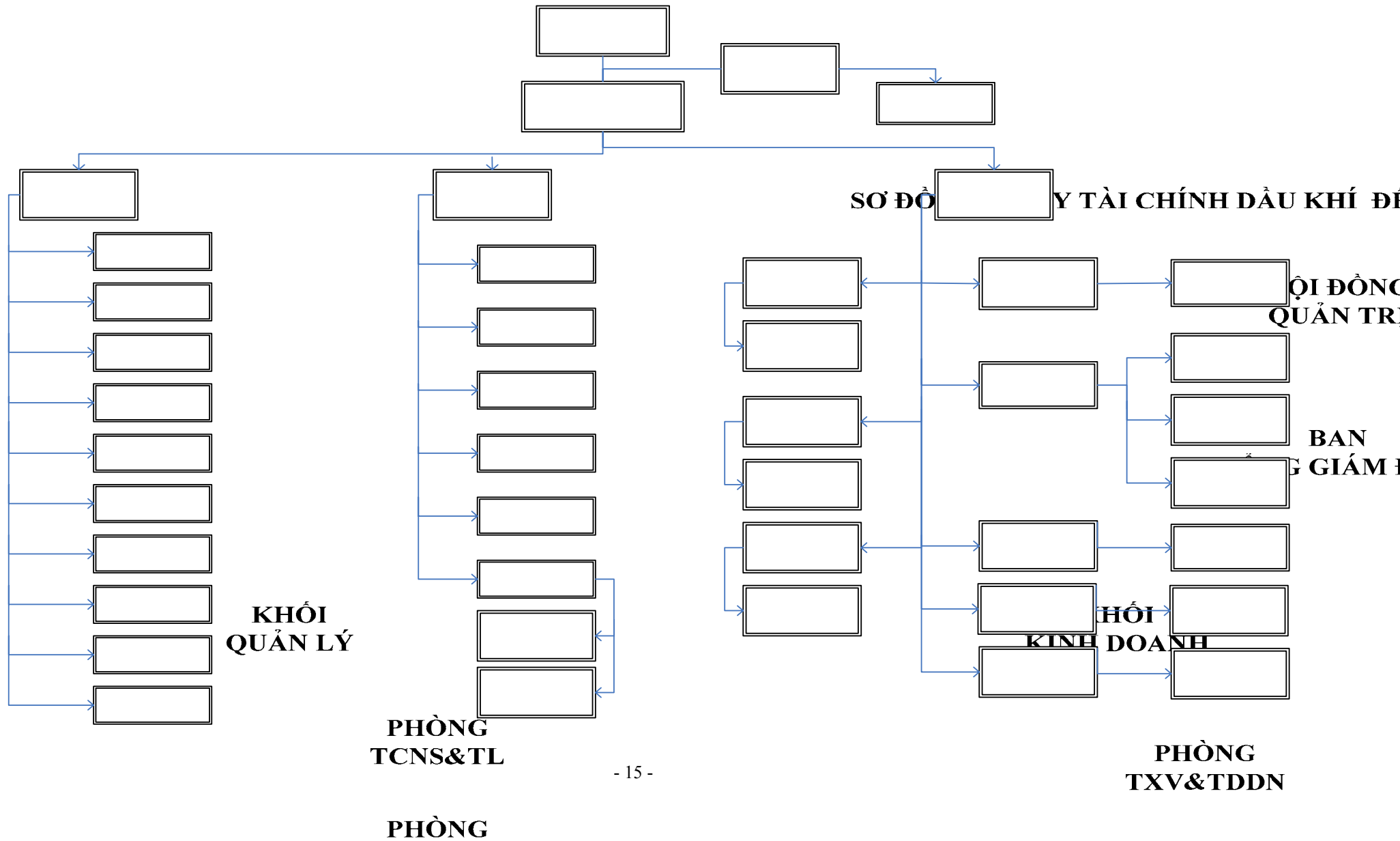
Hệ thống phòng giao dịch của Công ty bao gồm 13 phòng giao dịch tại 7 khu vực:

- Khu vực Hà Nội: gồm Phòng GD số 10 & 12; Phòng GD TT Láng Hạ; Phòng GD số 18 - CN Thăng Long.
- Khu vực Tp. Hồ Chí Minh gồm Phòng GD TT Quận 1 và Phòng GD số 20 – CN Sài Gòn.
- Khu vực Vũng Tàu gồm Phòng GD TT TP. Vũng Tàu; Phòng GD số 31 & 32
- Khu vực Đà Nẵng có Phòng GD số 52
- Khu vực Hải Phòng: Phòng GD số 61.
- Khu vực Nam Định: Phòng GD số 80.
- Khu vực Cần Thơ: Phòng GD số 90.

Hệ thống các đơn vị thành viên mới thành lập

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ	Tỷ lệ PVFC nắm giữ
1	Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí (PVFC Invest) ĐKKD số: 0103017832 ngày 7/6/2007 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	500 tỷ đồng	49% Trong đó: Vốn PVFC: 11%; Vốn Ủy thác của CBCNV: 38%
2	Công ty CP Bất động sản Tài chính Dầu khí (PVFC Land) ĐKKD số: 0103017950 ngày 15/06/2007 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	500 tỷ đồng	49% Trong đó: Vốn PVFC: 11%; Vốn Ủy thác của CBCNV: 38%
3	Công ty CP Quản lý quỹ Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)	100 tỷ đồng	11% vốn điều lệ
4	Công ty CP Truyền thông Tài chính Dầu khí (PVFC Media) Đăng ký kinh doanh: 0103018501 ngày 19/7/2007 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	100 tỷ đồng	11% vốn điều lệ

Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty Tài chính Dầu khí



b. Tổng số lao động tại thời điểm hiện nay

Bảng 2: Lao động tại thời điểm hiện nay

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)
	Tổng số lao động	1.069
1.	Phân theo trình độ:	
+	Đại học và trên Đại học	1042
+	Trung cấp và lao động khác	27
2.	Phân theo loại lao động:	
+	Lao động hợp đồng dài hạn (không xác định thời hạn)	385
+	Lao động ngắn hạn (từ 1 đến 3 năm)	305
+	Lao động khác	379

Nguồn: Công ty Tài chính Dầu khí

6. Giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa

- Căn cứ Quyết định số 4954/QĐ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 22/08/2007 về việc phê duyệt giá trị Công ty Tài chính Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để cổ phần hoá, như sau:

Giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006 là: **19.230.047.189.090 đồng** (Mười chín nghìn hai trăm ba mươi tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi chín nghìn không trăm chín mươi đồng)

Trong đó

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là: **2.197.738.452.114 đồng** (Hai nghìn một trăm chín mươi bảy tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm mười bốn đồng)

- Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:

Tài sản chờ thanh lý: **25.313.841 đồng**

Trong đó Tài sản cố định: 25.313.841 đồng

- Phần vốn Công ty Tài chính Dầu khí được Tập đoàn cấp bổ sung sau thời điểm định giá 31/12/2006 là: **2.000.000.000.000 đồng** (Hai nghìn tỷ đồng chẵn), Tập đoàn đã cấp đủ vốn bằng tiền và Công ty đã hạch toán tăng vốn tại thời điểm ngày 2/2/2007. Căn cứ:
 - Quyết định số 6963/QĐ-DKVN ngày 26/12/2006 của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt tăng Vốn điều lệ cho Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Quyết số 574/QĐ-DKVN ngày 26/01/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc cấp Vốn điều lệ cho Công ty Tài chính Dầu khí.

- Quyết định số 385/QĐ-NHNN ngày 14/02/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận tăng Vốn điều lệ của Công ty Tài chính Dầu khí lên **3.000.000.000.000** đồng.
- Vậy, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm có quyết định cổ phần hoá ngày 24/05/2007 (đã bao gồm phần vốn điều lệ được cấp bổ sung trong quý I năm 2007) là: **4.197.738.452.114** đồng.

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Là một định chế tài chính, một tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên tài sản của Công ty Tài chính Dầu khí chủ yếu dưới dạng tiền gửi, chứng khoán đầu tư, cho vay, đầu tư dài hạn và tài sản cố định.

Bảng 3: Tài sản chủ yếu của Công ty

Đơn vị: đồng

<i>STT</i>	<i>Tài sản</i>	<i>Giá trị sổ sách thời điểm 31/12/2006</i>	<i>Giá trị xác định lại thời điểm 31/12/2006</i>
1	Tiền gửi tại các TCTD trong và ngoài nước	9.521.760.802.745	9.532.741.757.736
	<i>Bảng VND</i>	5.773.659.525.086	5.773.659.525.086
-	<i>Trong đó:</i>		
	+ <i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>	27.683.728.192	27.683.728.192
	+ <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	5.745.975.796.894	5.745.975.796.894
	<i>Bảng ngoại tệ</i>	3.748.101.277.659	3.759.082.232.650
-	<i>Trong đó:</i>		
	+ <i>EUR</i>	22.024.588	23.191.191
	+ <i>USD</i>	3.748.079.253.071	3.759.059.041.459
2	Chứng khoán đầu tư	970.895.616.825	1.258.828.247.600
	<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	972.191.276.883	1.258.828.247.600
-	<i>Trong đó:</i>		
	+ <i>Trái phiếu</i>	607.801.409.342	616.881.034.000
	+ <i>Cổ phiếu</i>	364.389.867.541	641.947.213.600
-	<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>	(1.295.660.058)	
3	Cho vay	5.350.341.838.634	5.352.474.471.554
-	<i>Cho vay và ứng trước các TCTD khác</i>	1.621.386.925.000	1.621.715.925.000
-	<i>Cho vay và ứng trước các tổ chức kinh tế, cá nhân</i>	3.444.311.616.039	3.445.586.208.355

<i>STT</i>	<i>Tài sản</i>	<i>Giá trị sổ sách thời điểm 31/12/2006</i>	<i>Giá trị xác định lại thời điểm 31/12/2006</i>
-	Cho vay khách hàng từ nguồn vốn ủy thác	284.643.297.595	285.172.338.199
4	Đầu tư dài hạn	1.912.237.270.820	2.695.768.350.643
-	Vốn ủy thác đầu tư có chỉ định mục đích	862.958.679.090	862.958.679.090
-	Vốn đầu tư trực tiếp của PVFC và vốn ủy thác đầu tư khác.	1.049.278.591.730	1.832.809.671.553
5	Tài sản cố định	20.001.090.030	20.464.648.904

Nguồn: Phương án CPH của Công ty Tài chính Dầu khí

8. Diện tích Văn phòng sử dụng và đất thuộc quyền sở hữu: 7.293 m²:

Bảng 4: Chi tiết tình hình đất đai của doanh nghiệp

<i>STT</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Diện tích</i>	<i>Tình trạng</i>
1	Diện tích trụ sở Công ty	72 Trần Hưng Đạo, Hà nội	2.030 m ²	Văn phòng thuê dài hạn
2	Văn phòng Công ty	4A Láng Hạ, Hà nội	1.343 m ²	Văn phòng thuê dài hạn
3	Diện tích Phòng GD 12	564 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, HN	135 m ²	Văn phòng thuê dài hạn
4	Diện tích Văn phòng CN Đà Nẵng	Nhà 36, Đường 2/9, Tp Đà Nẵng	270 m ²	Văn phòng thuê dài hạn
5	Diện tích VP CN Vũng Tàu	Số 8 Hoàng Diệu, Tp Vũng Tàu	610 m ²	Văn phòng thuê dài hạn
6	Diện tích VP CN TP.HCM	208 Nguyễn Trãi, Q1, TpHCM	660 m ²	Văn phòng thuê dài hạn
7	VP CN Hải Phòng	5 Hồ Xuân Hương, Quận Hồng Bàng, TpHải Phòng	616 m ²	Văn phòng thuê dài hạn
8	Trung tâm Dầu khí Đà Nẵng	Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng	1.257 m ²	Đất sở hữu, đã được cấp sổ đỏ
9	Trụ sở Chi Nhánh Vũng Tàu	Số 106 Lý Tự Trọng, P1, Vũng Tàu	372 m ²	Đất sở hữu, đã được cấp sổ đỏ

Nguồn: Công ty Tài chính Dầu khí

9. Tóm tắt lý lịch Ban lãnh đạo

a. Ông Nguyễn Tiến Dũng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính Dầu khí
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/12/1953
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Tiến sĩ Kinh tế
- Trình độ chuyên môn: Tài chính - Kế toán
 - Từ tháng 10/1975 đến tháng 03/1982: Cán bộ vụ tài chính công nghiệp Bộ Tài chính, Bí thư chi đoàn.
 - Từ tháng 03/1982 đến tháng 10/1983: Phó phòng vụ công nghiệp xây dựng, Bộ Tài chính.
 - Từ tháng 10/1983 đến tháng 12/1986: Nghiên cứu sinh tại trường Đại học kinh tế quốc dân Odetxa .
 - Từ tháng 12/1986 đến tháng 02/1990: Chuyên viên Vụ công nghiệp A, Bộ tài chính, UV BCH Đảng uỷ cơ quan, chi uỷ viên, thư ký công đoàn vụ.
 - Từ tháng 02/1990 đến tháng 05/1990: Phó vụ trưởng vụ Tài chính kế toán, Tổng cục Dầu khí.
 - Từ tháng 05/1990 đến tháng 08/1990: Phó vụ trưởng vụ Tài chính kế toán, Bộ công nghiệp nặng.
 - Từ tháng 08/1990 đến tháng 03/1993: Trưởng phòng Tài chính kế toán Tổng công ty Dầu khí, UV BCH Đảng uỷ cơ quan Tổng công ty.
 - Từ tháng 03/1993 đến tháng 10/2000: Quyền trưởng phòng (đến T8/1995) và trưởng phòng tài chính Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, UV BCH Đảng uỷ Tổng công ty (1996 - 2000), UV, trưởng tiểu ban kinh tế hội đồng KH-CN TCT.
 - Từ tháng 10/2000 đến tháng 6/2006: Giám đốc công ty Tài chính Dầu khí, UV BCH Đảng uỷ Tổng công ty nhiệm kỳ 2000 – 2005, Bí thư Đảng uỷ Công ty.
 - Từ tháng 06/2006 đến tháng 07/2006: Tổng giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí, UV BCH Đảng uỷ Tổng công ty nhiệm kỳ 2000 – 2005, Bí thư Đảng uỷ.
 - Từ tháng 07/2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính Dầu khí.
- Quá trình công tác:

b. Ông Nguyễn Ngọc Sự – UV Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng - Trưởng Ban Tài chính Tập đoàn; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/07/1957
- Nơi sinh: Hải Dương
- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Tiến sỹ Kinh tế
- Trình độ chuyên môn: Tài chính - Kế toán
 - Từ tháng 10/1980 đến tháng 07/1988: Công tác tại phòng TCKT trường CNKT Dầu khí Bà Rịa, phó bí thư chi bộ, UV BCH Huyện đoàn Châu Thành, Đồng Nai, Bí thư đoàn cơ sở Trường CNKT Dầu khí Bà Rịa, UV BCH Công đoàn cơ sở; phó phòng – KTT, phụ trách phòng TCKT .
 - Từ tháng 08/1988 đến tháng 05/1992: Phó Bí thư chi Bộ, trưởng phòng TCKT Viện Dầu khí VN.
 - Từ tháng 06/1992 đến tháng 03/1993: Cán bộ Ban tài chính kế toán Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - Từ tháng 03/1993 đến tháng 10/2004: Phó Ban tài chính kế toán Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - Từ tháng 10/2004 đến nay: Trưởng ban Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy viên HĐQT Công ty Tài chính Dầu khí.
- Quá trình công tác:

c. Ông Đinh Thái Hà – UV Hội đồng Quản trị - Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: UV HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm soát
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/09/1972
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn: Ngân hàng tài chính
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 01/1995 đến tháng 10/1996: Chuyên viên kế toán, kiểm toán Phòng kế toán Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
 - Từ tháng 11/1996 đến tháng 06/2003: Chuyên viên văn phòng Tổng công ty Dầu khí.
 - Từ tháng 07/2003 đến tháng 07/2006: Chuyên viên quản lý tài chính kế toán, Ban tài chính Tổng công ty Dầu khí.

- Từ tháng 08/2006 đến nay: UV HĐQT- Trưởng Ban kiểm soát Công ty tài chính Dầu khí.

d. Ông **Đỗ Quang** – UV Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 31/10/1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Trình độ chuyên môn: Đầu tư tài chính
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1994 đến năm 2000: công tác tại Công ty Đầu tư và phát triển Dầu khí (PIDC) - PetroVietnam.
 - Từ năm 2000 đến năm 2001: phụ trách Phòng Đầu tư Công ty Tài chính Dầu khí
 - Từ năm 2001 đến năm 2003: Phó phòng Đầu tư Công ty Tài chính Dầu khí
 - Từ năm 2003 đến năm 2005: Trưởng phòng Đầu tư Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ năm 2006 đến 5/2007: Trưởng phòng TCNS&TL Công ty Tài chính Dầu khí
 - Từ tháng 5/2007 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Tài chính Dầu khí.

e. Ông **Tống Quốc Trường** – UV Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/08/1972
- Nơi sinh: Nam Định
- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 01/1994 đến tháng 03/1997: Nhân viên công ty Thạch Bàn.
 - Từ tháng 04/1997 đến tháng 09/2001: Phó phòng kinh tế kế hoạch Xí nghiệp kinh doanh, Công ty Thạch Bàn.
 - Từ tháng 10/2001 đến tháng 11/2002: Trợ lý Giám đốc Công ty, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 12/2002 đến tháng 08/2003: Phó phòng Tổ chức hành chính, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 08/2003 đến tháng 12/2003: Phó phòng Kế

hoạch tổng hợp, Công ty Tài chính Dầu khí.

- Từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2004: Phó văn phòng Giám đốc & Hội đồng quản trị, Công ty Tài chính Dầu khí.
- Từ tháng 01/2005 đến tháng 07/2005: Chánh văn phòng Giám đốc & Hội đồng quản trị, Công ty Tài chính Dầu khí.
- Từ tháng 07/2005 đến tháng 01/2006: Trưởng phòng Kế hoạch và thị trường, Công ty Tài chính Dầu khí.
- Từ tháng 02/2006 đến tháng 09/2006: Trưởng phòng Đầu tư, Công ty Tài chính Dầu khí.
- Từ tháng 09/2006 đến tháng 06/2007: Phó Tổng giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí, .
- Từ tháng 06/2007 đến nay (21/6/2007): Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí.

f. Ông **Đoàn Minh Mẫn** – Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/08/1958
- Nơi sinh: Bến Tre
- Trình độ học vấn: Đại học
- Học hàm, học vị: Cử nhân
- Trình độ chuyên môn: Tài chính – kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 12/1978 đến tháng 06/1984: Kế toán xí nghiệp dịch vụ Dầu khí Vũng tàu.
 - Từ tháng 07/1984 đến tháng 03/1993: Kế toán trưởng công ty dịch vụ Dầu khí Vũng tàu.
 - Từ tháng 04/1993 đến tháng 09/1999: Phó phòng tài chính – kế toán công ty PTSC kiêm kế toán trưởng xí nghiệp cảng dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
 - Từ tháng 10/1999 đến tháng 05/2005: Kế toán ban quản lý dự án.
 - Từ tháng 06/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu Công ty Tài chính Dầu khí.

g. Ông **Nguyễn Khuyến Nguồn** – Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/10/1974
- Nơi sinh: Hà Tây

- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Thạc sỹ Quản lý tài chính
- Trình độ chuyên môn: Kế toán – tài chính
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 09/1996 đến tháng 12/2000: Chuyên viên kế toán công ty PVEP và được cử sang làm việc cho nhà thầu Petronas đảm nhận các chức danh: Kế toán thanh toán, kế toán dự án và kế toán tổng hợp.
 - Từ tháng 01/2001 đến tháng 06/2002: Chuyên viên phòng Kế toán, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 06/2002 đến tháng 12/2003: Phó phòng Kế toán, Công ty tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 01/2004 đến tháng 06/2005: Phó phụ trách phòng Kiểm tra kiểm toán nội bộ, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 06/2005 đến tháng 07/2005: Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 07/2005 đến tháng 04/2006: Trưởng phòng Dịch vụ và tín dụng cá nhân.
 - Từ tháng 05/2006 đến tháng 09/2006: Trưởng phòng Thu xếp vốn và tín dụng DN.
 - Từ tháng 10/2006 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí.

h. Ông Nguyễn Xuân Sơn – Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/04/1959
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Trình độ học vấn: Đại học
- Học hàm, học vị: Kỹ sư
- Trình độ chuyên môn: Hoá dầu
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 04/1985 đến tháng 09/2001: XN Vietsopetro.
 - Từ tháng 10/2001 đến tháng 12/2005: Giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí chi nhánh HCM.
 - Từ tháng 01/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh HCM.

i. Ông Phạm Ngọc Láng – Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1959
- Nơi sinh: Nam Định

- Trình độ học vấn: Đại học
- Học hàm, học vị: Cử nhân
- Trình độ chuyên môn: Tài chính – kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 10/1980 đến tháng 04/1984: Cán bộ Kế toán tổng hợp, Ban kiến thiết KCN Vũng Tàu.
 - Từ tháng 05/1984 đến tháng 09/1985: Kế toán trưởng XN Liên doanh Vietsopetro, Vũng tàu.
 - Từ tháng 10/1985 đến tháng 04/1988: Cán bộ kế toán tổng cục Dầu khí – Hà nội.
 - Từ tháng 05/1988 đến tháng 10/1994: Kế toán trưởng XN kế cấu thép – XN liên hợp XLDK – Vũng Tàu.
 - Từ tháng 11/1994 đến tháng 06/1998: Kế toán trưởng công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí – Vũng Tàu.
 - Từ 07/1998 đến tháng 03/2006: Phó Giám đốc, Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí – Vũng Tàu.
 - Từ 04/2006 đến tháng 06/2006: phó Giám đốc, Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí – Vũng Tàu.
 - Từ 07/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng, Công ty Tài chính Dầu khí.

j. Bà Vũ Thị Ngọc Lan – Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 30/12/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Trình độ chuyên môn: Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 09/1996 đến tháng 09/2000: Chuyên viên phòng Tài chính, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
 - Từ tháng 10/2000 đến tháng 10/2001: Phó phòng Dịch vụ uỷ thác, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 11/2001 đến tháng 12/2003: Trưởng phòng Dịch vụ uỷ thác, Công ty tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 01/2004 đến tháng 09/2006: Trưởng phòng Quản lý dòng tiền, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 09/2006 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí.

k. Bà Lý Thị Thu Hương – Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/12/1978
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Trên Đại học
- Học hàm, học vị: Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ chuyên môn: Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 03/2001 đến tháng 12/2004: Chuyên viên phòng kế toán, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 06/2005 đến tháng 08/2006: Phó phòng Kế toán, Công ty Tài chính Dầu khí.
 - Từ tháng 08/2006 đến nay: kế toán trưởng Công ty Tài chính Dầu khí .

IV. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU KHI CHUYỂN SANG HÌNH THỨC TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Tên công ty cổ phần

- Tên gọi: **Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam**
- Tên tiếng Anh: **PetroVietnam Finance Joint stock Corporation**
- Tên viết tắt: **PVFC**
- Địa chỉ: 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-9 426 800 Fax: 84-4-9 426 796
- Email: pvfc@pvfc.com.vn
- Website: www.pvfc.com.vn
- Logo:



2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo quyết định về việc phê duyệt và chuyển Công ty Tài chính Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam là toàn bộ các ngành nghề kinh doanh hiện đã được cấp (Như ngành nghề kinh doanh phần trên).

3. Hình thức cổ phần hoá

PVFC được cổ phần hoá theo khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần dưới hình thức “Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”.

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của PVFC được xây dựng trên cơ sở giá trị phần vốn Nhà nước thực tế tại thời điểm định giá, vốn điều lệ được cấp thêm sau thời điểm định giá và giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá cổ phiếu.

Vốn Điều lệ là: **5.000.000.000.000 đồng**

Căn cứ:

1	Giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm 31/12/2006 (Theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	2.197.738.452.114 đồng
2	Giá trị vốn Nhà nước tăng thêm sau thời điểm định giá 31/12/2006	2.000.000.000.000 đồng
3	Giá trị phần vốn phát hành thêm	802.261.547.886 đồng

Cơ cấu vốn điều lệ:

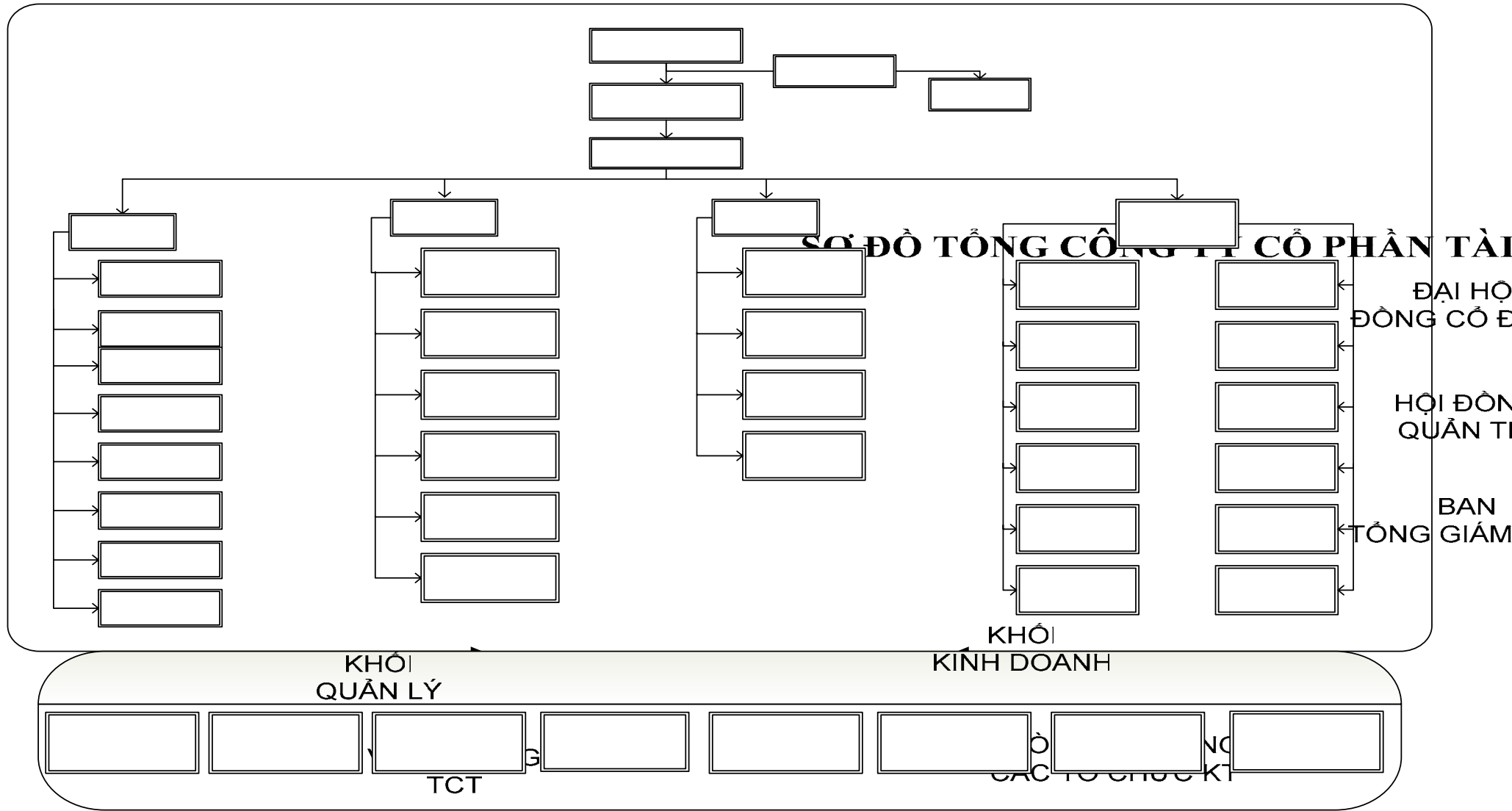
- Số cổ phần Nhà nước nắm giữ: 350.000.000 cổ phần (70% vốn điều lệ)
- Số cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV: 361.100 cổ phần (0,07% vốn điều lệ)
- Số cổ phần bán đấu giá ra ngoài: 59.638.900 cổ phần (11,93% vốn điều lệ)
- Số cổ phần bán cho cổ đông chiến lược nước ngoài: 90.000.000 cổ phần (18% vốn điều lệ)

5. Cơ cấu tổ chức của PVFC

Về mô hình tổ chức, PVFC là đơn vị thành viên, một định chế tài chính của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, thực hiện uỷ quyền của Tập đoàn về đầu tư tài chính và quản trị vốn đầu tư. PVFC hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con (Sơ đồ dưới đây), trong đó:

Công ty Mẹ là PVFC. Hệ thống các công ty con là các công ty cổ phần chuyên ngành trong các lĩnh vực đầu tư tài chính, bất động sản, quản lý quỹ, truyền thông và một số công ty TNHH 1 thành viên tài chính khu vực. Ngoài ra, PVFC còn có các công ty liên kết mà PVFC tham gia góp vốn thành lập. Việc thành lập các con độc lập và chuyên ngành nhằm thu hút thêm nguồn vốn và lao động bên ngoài, mở rộng lĩnh vực và địa bàn hoạt động, nâng cao năng lực quản lý và phân tán rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ. Đồng thời việc thành lập các Công ty con còn nâng cao tính năng động, độc lập và chuyên sâu trong các hoạt động kinh doanh của PVFC.

Về mạng lưới hoạt động, PVFC sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động tại các khu vực, Tỉnh thành trong cả nước: Quảng Ninh, Thanh Hoá, Huế... và thành lập một số chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài phục vụ cho hoạt động đầu tư nước ngoài của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và kết nối với các trung tâm tài chính quốc tế.



6. Chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm sau Cổ phần hoá (2007 - 2011)

6.1 Mục tiêu

Xây dựng PVFC trở thành Tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Đến năm 2015 PVFC phải là Tập đoàn tài chính quan trọng nhất, là xương sống trong các định chế tài chính khác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đáp ứng được tối đa nhu cầu vốn cho các dự án của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6.2 Chiến lược

Chiến lược xuyên suốt trong quá trình phát triển PVFC là dựa vào nền tảng tài chính và nhu cầu dịch vụ tài chính ngân hàng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chính sách hội nhập của nền kinh tế Việt Nam, PVFC phải được xây dựng thành một Tập đoàn tài chính mạnh cả về quy mô vốn, công nghệ ngân hàng, có khả năng hợp tác và hội nhập với hệ thống các định chế tài chính trong nước và quốc tế; đảm đương vị trí xương sống trong các định chế Tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; một mặt để tạo lập vốn cho nhu cầu đầu tư phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, mặt khác nâng cao vị thế để cùng hợp tác với các định chế tài chính Việt Nam trong hội nhập kinh tế.

Với mục tiêu trên, PVFC xác định chiến lược kinh doanh giai đoạn 2007 - 2011 như sau:

a. Chiến lược phát triển sản phẩm và dịch vụ

PVFC cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính của một định chế đầu tư tài chính hiện đại, chú trọng các sản phẩm, dịch vụ tài chính để phục vụ nhu cầu đầu tư và quản trị vốn đầu tư của Tập đoàn. Tập trung mọi thế mạnh của PVFC và lợi thế của ngành Dầu khí để phát triển các sản phẩm dịch vụ mũi nhọn với mục tiêu từ năm 2011 PVFC cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng ngang bằng với các tổ chức tài chính hiện đại của các nước tiên tiến trong khu vực. PVFC phát triển sản phẩm, dịch vụ theo ba hướng:

- Các sản phẩm, dịch vụ mũi nhọn
- Các sản phẩm, dịch vụ nền tảng
- Thực hiện nhiệm vụ cho Tập đoàn.

▪ Các sản phẩm, dịch vụ mũi nhọn của PVFC bao gồm:

- Thu xếp vốn và tài trợ tài chính các dự án:

Đối với nhiệm vụ trọng yếu này, PVFC duy trì và tiếp tục thu xếp thành công vốn cho tất cả các dự án đầu tư phát triển của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, tài trợ cho các dự án của các tổ chức và cá nhân khác phù hợp với mục tiêu kinh doanh và hợp tác của PVFC. PVFC sẽ mở rộng mạng lưới dịch vụ, phối hợp, hợp tác với nhiều các định

chế trong và ngoài nước cũng như kết hợp xác định chiến lược về nhân sự để triển khai ngày càng có chất lượng, khẳng định vị thế tài chính của PVFC trong lĩnh vực tài trợ dự án.

Đồng thời, với chủ trương hướng tới cung cấp các sản phẩm dịch vụ đồng bộ, PVFC sẽ nghiên cứu, kết hợp các phần dịch vụ riêng lẻ trở thành một sản phẩm có tính chất bao trùm, liên kết, mang lại sự thuận lợi cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ này của PVFC cũng như đảm bảo nhu cầu về vốn lớn của các khách hàng đặc biệt là khách hàng trong ngành dầu khí.

Dự kiến giai đoạn 2007 - 2011 giá trị thu xếp vốn khoảng 5 - 6 tỷ USD tương ứng khoảng 90 - 95 ngàn tỷ đồng.

- Đầu tư tài chính:

Phát huy lợi thế và năng lực đầu tư của PVFC trong những năm trước, sau cổ phần hóa PVFC tiếp tục đẩy mạnh lĩnh vực đầu tư tài chính, xây dựng và quản lý danh mục đầu tư với phương châm hoạt động **"PVFC là một nhà đầu tư chiến lược"**

PVFC sẽ phát huy tối đa hạn mức đầu tư dự án được phép, nâng cao khối lượng vốn uỷ thác đầu tư, tập trung vào các lĩnh vực Dầu khí, năng lượng, khoáng sản, du lịch cao cấp, vật liệu xây dựng và tham gia một số dự án ngành khác đạt hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo an toàn vốn đầu tư.

Bên cạnh đó, PVFC đẩy mạnh việc nhận uỷ thác và quản trị vốn đầu tư theo yêu cầu của khách hàng song song với cung cấp các dịch vụ tài chính hỗ trợ như: Quản lý tiền mặt, quản lý rủi ro bằng các sản phẩm hedging,... và phát triển sản phẩm phái sinh, chiết khấu chứng từ có giá....

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2007 - 2011: 36,1%/ năm

Bảng 5: Dự kiến kế hoạch đầu tư tài chính giai đoạn 2007 – 2011

Đơn vị: triệu đồng

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2007</i>	<i>2008</i>	<i>2009</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>
1	Tổng vốn đầu tư (bao gồm vốn PVFC và vốn nhận uỷ thác đầu tư)	9.590	18.500	32.220	45.800	60.390
2	Tỷ trọng nguồn vốn cho đầu tư/ Tổng nguồn vốn	19,37%	25,00%	30,97%	33,38%	37,68%

Nguồn: Phương án cổ phần hoá

- Các dịch vụ tài chính khác:

Về hoạt động tư vấn tài chính: Định hướng là dịch vụ chiến lược, là dịch vụ đặc trưng của PVFC, PVFC thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp, trong đó xác định các hoạt động tư vấn trọng tâm là:

- + Tư vấn tài chính dự án
- + Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- + Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp
- + Tư vấn phát hành chứng từ có giá
- + Tư vấn đầu tư chứng khoán
- + Tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán, sáp nhập doanh nghiệp

Về quản lý vốn và tài sản: Đẩy mạnh dịch vụ liên quan đến ngoại hối, nhận uỷ thác đầu tư, quản lý dòng tiền cho khách hàng.

Thẩm định: Từng bước cung cấp dịch vụ thẩm định cho các đơn vị trong và ngoài ngành. Đến năm 2010, thực hiện thẩm định tất cả các dự án đầu tư phát triển của Tập đoàn.

Bao thanh toán: Tập trung vào đối tượng khách hàng là các đơn vị thành viên của Tập đoàn, một số doanh nghiệp khác có quan hệ mật thiết đến hoạt động của PVFC và hoạt động Dầu khí.

Hoạt động ngoại hối: Triển khai song song với các sản phẩm dịch vụ sử dụng đồng Việt nam, trong đó ưu tiên thực hiện các nghiệp vụ như thu xếp chuyển đổi ngoại tệ không kỳ hạn, có kỳ hạn. Chú trọng đầu tư kỹ thuật, xây dựng đội ngũ chuyên gia để hoạt động có hiệu quả các hoạt động ngoại hối.

▪ **Các sản phẩm dịch vụ nền tảng**

Duy trì và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ nền tảng làm cơ sở để phát triển các sản phẩm dịch vụ mũi nhọn của PVFC.

- Huy động vốn:

Đảm bảo tạo dựng được nguồn vốn vững chắc, ổn định đáp ứng nhu cầu kinh doanh của PVFC đặc biệt là vốn trung và dài hạn. Các nguồn huy động vốn đa dạng, chú trọng tạo vốn từ nguồn tiền tệ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên thông qua tài khoản trung tâm của Tập đoàn, các nguồn vốn từ hệ thống Ngân hàng thương mại Việt nam, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Thực hiện chủ trương "*tối đa hoá hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính Việt nam, tăng cường nguồn vốn bổ sung từ các tổ chức tài chính quốc tế*".

Đa dạng hoá các hình thức huy động bao gồm huy động từ phát hành và đại lý phát hành trái phiếu; uỷ thác quản lý vốn và quản lý dòng tiền; nhận uỷ thác đầu tư, nhận uỷ thác quản lý vốn, huy động từ uỷ thác của Chính phủ, Bộ Tài chính; quản lý vốn cho Tập đoàn và một số Tập đoàn kinh tế khác của Việt nam; vốn lưu động của các đơn vị thành viên Tập đoàn; huy động từ các tổ chức tài chính khác như bảo hiểm, quỹ đầu tư... Sử dụng thị trường chứng khoán và huy động vốn qua phát hành trái phiếu Công ty là kênh chủ yếu để huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển.

Tìm kiếm và khơi thông nguồn vốn quốc tế qua các hình thức vay thương mại, đồng tài trợ, nguồn đầu tư trực tiếp FDI vào ngành Dầu khí trong đó PVFC là đơn vị nhận uỷ thác trung chuyên.

Tốc độ tăng trưởng vốn huy động bình quân giai đoạn 2007 - 2011: 25,8%/năm

Bảng 6: Dự kiến vốn huy động giai đoạn 2007 – 2011

Đơn vị: triệu đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2007</i>	<i>2008</i>	<i>2009</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>
Số dư huy động cuối kỳ	44.345	67.685	95.509	126.353	149.068
<i>Trong đó:</i>					
Tiền gửi và tiền vay của các tổ chức tài chính khác	13.000	20.250	26.150	34.500	40.600
Nguồn vốn vay khác và nguồn vốn uỷ thác	28.350	41.800	62.150	82.500	96.850
Tiền gửi của khách hàng	785	1.200	1.600	2.044	2.550
Phát hành giấy tờ có giá	1.800	3.665	4.500	5.800	6.850
Các khoản phải trả khác	410	770	1.109	1.509	2.218

Nguồn: Phương án cổ phần hoá

- Hoạt động tín dụng:

Thực hiện phương châm ‘sử dụng tổng hoà các loại nguồn vốn để hình thành lãi suất hoà đồng, có tính cạnh tranh cao". Đáp ứng tối đa nhu cầu vốn tín dụng của các dự án trong ngành, nhu cầu vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam. Đặc biệt đẩy mạnh cho vay trung và dài hạn, kết hợp chặt chẽ cấp tín dụng với hợp tác đầu tư, quản lý dòng tiền và tư vấn tài chính cho cùng một dự án, quan tâm phát triển tín dụng uỷ thác. Hoạt động tín dụng được thực hiện đảm bảo an toàn, được kiểm soát chặt chẽ.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân giai đoạn 2007-2011 là: 22,7%/năm

Bảng 7: Dự kiến hoạt động tín dụng giai đoạn 2007 – 2011

Đơn vị: triệu đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2007</i>	<i>2008</i>	<i>2009</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>
Dư nợ cho vay cuối kỳ	13.000	19.200	25.400	32.770	37.006
<i>Trong đó:</i>					
Cho vay các TCTD	2.000	2.300	2.700	3.050	3.400
Cho vay trực tiếp các TCKT, cá nhân trong nước	10.200	15.600	21.000	27.500	31.000
Cho vay uỷ thác	800	1.300	1.700	2.220	2.606

Nguồn: Phương án cổ phần hoá

▪ **Thực hiện nhiệm vụ của Tập đoàn Dầu khí**

PVFC thực hiện nhiệm vụ là trung tâm tài chính tiền tệ và công cụ quản lý đầu tư tài chính của Tập đoàn. Thực hiện các nhiệm vụ do Tập đoàn uỷ quyền như phát hành trái phiếu Dầu khí trong và ngoài nước, quản lý và vận hành hiệu quả các nguồn vốn uỷ thác của Tập đoàn, quản lý dự án... Nâng cao chất lượng dịch vụ và thực hiện thu xếp vốn thành công cho mọi dự án đầu tư phát triển của Tập đoàn và tạo ra các sản phẩm tài chính phục vụ CBNV ngành Dầu khí.

b. Chiến lược khách hàng

Bên cạnh các đối tượng khách hàng truyền thống sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng là Tập đoàn Dầu khí Việt nam, các đơn vị thành viên của Tập đoàn, cán bộ nhân viên của Tập đoàn, các cá nhân và tổ chức có quan hệ hợp tác toàn diện với công ty, các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước, PVFC sẽ hướng tới thiết lập hệ thống và thắt chặt mối quan hệ hợp tác với khách hàng mới là các Tập đoàn kinh tế, PVFC, các đơn vị ngoài Tập đoàn, các tổ chức tài chính, tín dụng mới trên thị trường.

6.3 Thuận lợi và khó khăn

▪ **Thuận lợi**

- Nền kinh tế Việt nam được dự báo là sẽ duy trì được sự phát triển vững chắc với tốc độ tăng trưởng cao trong các năm tới. Hội nhập kinh tế toàn cầu diễn ra mạnh mẽ là cơ hội lớn cho sự phát triển thị trường tài chính tiền tệ nói chung và PVFC nói riêng.
- Sự phát triển tăng tốc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên của Tập đoàn là những cơ hội rất thuận lợi cho sự phát triển của PVFC.
- Sau 7 năm thành lập, PVFC đã tạo ra một thương hiệu có uy tín trên thị trường tài chính Việt Nam.

- Nguồn nhân lực của PVFC đa số có tuổi đời trẻ, cần cù, chịu khó học hỏi và thường xuyên được đào tạo.
- **Khó khăn**
- Quy mô hoạt động của PVFC tuy đã có bước trưởng thành đáng kể nhưng còn nhỏ (cả về khách hàng, địa bàn, mạng lưới, lĩnh vực, vốn và các loại hình dịch vụ), chất lượng dịch vụ còn thấp so với yêu cầu hội nhập và phát triển.
- Đội ngũ còn yếu về kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, còn thiếu chuyên gia đầu ngành cả về quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.
- Cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động của một định chế tài chính hiện đại.

6.4 Một số chỉ tiêu tài chính 05 năm sau cổ phần hóa

Kế hoạch kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của PVFC được thể hiện trong **Bảng** dưới đây.

Bảng 8: Dự toán kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2007 - 2011

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	5.000.000	6.000.000	8.000.000	10.000.000	10.000.000
2	Doanh thu (triệu đồng)	3.000.000	4.850.000	6.830.000	8.870.000	10.614.000
3	Chi phí (triệu đồng)	2.297.000	3.975.000	5.579.999	7.220.001	8.689.000
4	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	703.000	875.000	1.250.000	1.650.000	1.925.000
5	Thuế thu nhập DN (triệu đồng)	196.840	245.000	350.000	462.000	539.000
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	506.160	630.000	900.000	1.188.000	1.386.000
7	Trích các quỹ (triệu đồng)	155.057	182.010	253.620	330.096	384.342
8	Chia cổ tức (triệu đồng)	351.103	447.990	646.380	857.904	1.001.658
9	Tỉ lệ cổ tức (%)	7.02%	7.47%	8.08%	8.58%	10.02%
10	Lao động (người)	1.000	1.100	1.200	1.300	1.400
11	Thu nhập (1.000đ/ng/tháng)	7.500	8.000	8.700	9.400	10.000

Nguồn: Phương án cổ phần hoá

▪ Về doanh thu

Doanh thu của PVFC bao gồm:

- Thu lãi cho vay
- Thu lãi tiền gửi
- Thu từ hoạt động đầu tư
- Thu từ dịch vụ tài chính
- Thu khác

Định hướng hoạt động đến năm 2010 của PVFC là đưa hoạt động đầu tư tài chính và cung cấp các dịch vụ tài chính tiền tệ trở thành hoạt động mũi nhọn mang lại lợi nhuận chủ yếu, giảm dần tỷ trọng doanh thu từ lãi tiền gửi và cho vay.

Với tốc độ tăng trưởng cao trong tất cả các hoạt động giai đoạn 2007-2011, tăng trưởng trong tổng tài sản trung bình là 162%/năm, doanh thu của PVFC giai đoạn này có sự tăng trưởng khá cao, trung bình 124%/năm.

Do sự tăng trưởng mạnh trong hoạt động đầu tư giai đoạn 2007 – 2011 kéo theo sự tăng trưởng trong tỷ trọng tài sản hình thành từ đầu tư và chiếm khoảng 30% tổng tài sản nên tỷ trọng doanh thu từ hoạt động đầu tư trong tổng doanh thu tăng từ 7,13% trong giai đoạn 2002 – 2006 lên 34,47% trong giai đoạn 2007 – 2011. Thu từ dịch vụ tài chính giai đoạn 2007-2011 chiếm tỷ trọng 2% trong tổng doanh thu với tốc độ tăng trưởng bình quân là 66%/năm.

Trong khi đó, tỷ trọng của nguồn tiền gửi tại các TCTD và cho vay giảm dần. Với các yêu cầu về an toàn và dự kiến tốc độ phát triển bình quân trong hoạt động tín dụng là 22,7%/năm (nằm trong định hướng chung của toàn ngành ngân hàng), thu lãi cho vay của PVFC giai đoạn này chiếm tỷ trọng bình quân là 25,5% trong tổng doanh thu so với tỷ trọng 43,9% của giai đoạn 2002-2006. Thu lãi tiền gửi trong giai đoạn 2007 - 2011 chiếm 38,11% trong tổng doanh thu.

▪ Về chi phí

Chi phí Dự phòng chung: Chi phí Dự phòng chung của PVFC được xây dựng bằng 0,75% tổng tài sản “Có” rủi ro. Việc xác định tỷ lệ 0,75% của PVFC là trên mức trung bình bởi theo quyết định số 457/2005/QĐ/NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về “Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng” thì tỷ lệ tối đa trích lập Dự phòng chung là 1,25% tổng tài sản “Có” rủi ro.

Chi phí Dự phòng cụ thể: Chi phí Dự phòng cụ thể được xây dựng bằng 0,31% tổng tài sản “Có” rủi ro, PVFC xây dựng kế hoạch chi phí dự phòng cụ thể dựa vào tỷ lệ trích lập trong quá khứ (mức trích năm 2006). Tuy nhiên, việc trích lập dự phòng cụ thể phụ thuộc chủ yếu vào phân nhóm nợ, trong giai đoạn 2002 - 2006 là giai đoạn PVFC mới đi vào hoạt động nên tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn còn thấp nên mức trích lập dự phòng cụ thể còn thấp, trong tương lai tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn của PVFC có thể tăng .

Chi phí trả lãi: Chi phí trả lãi được xây dựng được tính trên lãi suất huy động vốn của PVFC, lãi suất này dao động từ 8,6% đến 9% tùy thuộc vào từng nguồn huy động và từng thời kỳ.

Chi hoạt động: Chi phí hoạt động được PVFC xây dựng dựa trên kế hoạch về lao động, mua sắm tài sản, mở rộng hoạt động kinh doanh và các khoản chi phí khác. Trong giai đoạn 2007 - 2011 PVFC dự kiến sẽ đầu tư xây dựng trụ sở Chi nhánh Vũng Tàu - tổng vốn đầu tư là 17,5 tỷ đồng, Chi nhánh Đà Nẵng - tổng vốn đầu tư 100 tỷ đồng và Trụ sở tại Hà Nội - tổng vốn đầu tư 179 tỷ đồng, lao động tăng từ 885 - 1.400 người.

7. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trong các năm 2007 – 2011, PVFC dự kiến thực hiện các biện pháp sau:

▪ Giải pháp về Marketing, phát triển thương hiệu:

Đẩy mạnh hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu: Xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu PVFC, tài trợ các sự kiện gây tiếng vang, quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng, biển pano tầm lớn.

Củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ với các đơn vị trong ngành, các TCTD. Xây dựng hệ thống xếp loại khách hàng để có chính sách khách hàng hợp lý cho từng đối tượng khách hàng. Tích cực đàm phán, xử lý các vấn đề liên quan và theo dõi sát sao tiến độ triển khai của các dự án trong ngành để thực hiện thu xếp vốn, giải ngân cho các dự án đã ký kết. Tìm kiếm các cơ hội để tham gia thu xếp vốn cho các đơn vị ngoài ngành. Đẩy mạnh các hình thức cho vay ủy thác, cho vay đồng tài trợ bằng nguồn vốn của PVFC với các TCTD cho các dự án trong và ngoài ngành.

Mở rộng đối tượng khách hàng, đặc biệt quan tâm đến các đối tác lớn đã ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với PVFC.

▪ Giải pháp về sản phẩm dịch vụ:

Thường xuyên hoàn thiện và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ hiện có, hoàn thiện quy trình, quy chế cho tất cả các sản phẩm dịch vụ; Cung cấp các sản phẩm dịch vụ trọn gói cho khách hàng.

Đa dạng hoá các loại hình sản phẩm dịch vụ. Chú trọng phát triển các dịch vụ mũi nhọn về đầu tư, tư vấn, thu xếp vốn. Phát triển các sản phẩm mới.

▪ Về nhân lực:

CBNV được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của PVFC. CBNV phải đảm bảo hội đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển. Ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, công nghệ thông tin, con em CBNV có đóng góp vì sự nghiệp phát triển của PVFC và ngành Dầu khí.

▪ Về đào tạo:

Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo CBNV có mục tiêu phù hợp với chiến lược phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của PVFC, trong đó ưu tiên và nhanh chóng đào tạo cán bộ quản lý cao cấp, cán bộ quản lý, các chuyên gia đầu ngành, chuyên gia quốc tế thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng. Nội dung đào tạo

được tập trung vào các kỹ năng quản trị hiện đại, ngoại ngữ, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống. Đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.

▪ **Về đãi ngộ:**

Đảm bảo công bằng, công khai. Chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBNV sáng tạo trong công việc. Khuyến khích các thành viên làm việc tốt, chất lượng cao, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo tinh thần thi đua, không bình quân chủ nghĩa. Đa dạng hoá hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ đến các đối tượng liên quan đến chuyên gia giỏi. Đảm bảo thu nhập của CBNV cấp chuyên gia ngang bằng với các nước phát triển trong khu vực.

▪ **Về quản lý:**

Xây dựng hệ thống các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ để quản trị điều hành hệ thống đúng pháp luật.

Phân định rõ trách nhiệm của từng chức danh, đề cao kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ được giao. Phân quyền để tạo quyền chủ động của các đơn vị thuộc hệ thống; quản trị điều hành thống nhất trong toàn hệ thống.

Ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ tài chính ngân hàng hiện đại. Ưu tiên phát triển công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động dịch vụ tài chính tiền tệ và đầu tư.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo hoạt động của PVFC phải được kiểm tra, soát xét cả trước và sau khi thực hiện nhằm đảm bảo mọi hoạt động của PVFC đúng pháp luật, thực hiện tốt các quy định, quy chế, quy trình mà PVFC áp dụng để giảm thiểu mọi rủi ro.

Thiết lập và áp dụng có hiệu quả hệ thống thông tin kiểm soát nội bộ đảm bảo cập nhật thông tin, báo cáo quản trị phục vụ cho quá trình xử lý và ra quyết định kịp thời.

V. CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Rủi ro về lãi suất

Đó là sự chênh lệch giữa lãi suất huy động vào và lãi suất đầu ra, do biến động của thị trường và chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động và kỳ hạn đầu tư, cho vay ra thị trường. Do đặc thù của PVFC là tập trung cấp tín dụng trung và dài hạn, đầu tư và tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề yêu cầu các khoản tín dụng, đầu tư có thời hạn dài nên khó khăn trong việc dự báo biến động của lãi suất, khi lãi suất trên thị trường biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của PVFC.

2. Rủi ro về hoạt động tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng khi khách hàng vay vi phạm các điều kiện của hợp đồng tín dụng dẫn đến khách hàng không trả được nợ cho PVFC.

3. Rủi ro về hoạt động đầu tư

Là sự mất cơ hội, giảm tài sản, mất vốn hay mất nguồn thu từ việc đầu tư vào các dự án, đầu tư tài chính do thị trường biến động xấu hoặc dự án không hiệu quả.

Đối với hoạt động đầu tư tài chính: Đó là sự mất cơ hội, giảm giá trị do thị trường hoặc mất quyền kiểm soát.

Đối với hoạt động đầu tư dự án, doanh nghiệp: Đó là sự thất thoát do PVFC không kiểm soát được nguồn vốn đầu tư của PVFC hoặc do doanh nghiệp, dự án đó kém hiệu quả.

4. Rủi ro về hoạt động ngoại hối

Hoạt động ngoại hối của PVFC chủ yếu nhằm phục vụ thanh toán cho các khách hàng doanh nghiệp. Khi thị trường có sự biến động lớn, tỷ giá giữa đồng VND và các ngoại tệ có sự chênh lệch lớn biến động ngoài quyền kiểm soát của Việt Nam khiến cho đồng Việt Nam bị mất giá dẫn đến hoạt động này bị lỗ.

5. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro luật pháp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho PVFC, khách hàng và đối tác dẫn đến việc bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công cụ quản lý.

6. Rủi ro khác

Rủi ro về ngành nghề, đối tượng cấp tín dụng, đầu tư do khủng hoảng kinh tế hay chính sách. Rủi ro khác liên quan đến các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, lụt lội, cháy, nổ.

VI. GIỚI THIỆU ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Cổ phần phát hành ra công chúng

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần đấu giá: **59.638.900** cổ phần
- Mệnh giá: **10.000** đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm: **51.000** đồng/cổ phần

2. Tóm tắt về cơ cấu vốn cổ đông sau khi phát hành

- Vốn điều lệ: **5.000.000.000.000** đồng
- Cổ phần Nhà Nước: **350.000.000** cổ phần (chiếm 70% VĐL)
- CBCNV: **361.100** cổ phần (chiếm 0,07% VĐL)
- Cổ đông chiến lược nước ngoài: **90.000.000** cổ phần (chiếm 18% VĐL)
- Cổ đông ngoài: **59.638.900** cổ phần (chiếm 11,93% VĐL)

3. Phương thức bán cổ phần

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Tỷ trọng VĐL (%)</i>	<i>Giá bán</i>
CBCNV Công ty mua theo giá ưu đãi	361.100	0,07%	60% giá đấu thành công bình quân
Nhà đầu tư tham dự đấu giá	59.638.900	11,93%	Giá đấu thành công của từng nhà đầu tư
Phần bán cho Cổ đông chiến lược nước ngoài	90.000.000	18,00%	Giá thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá đấu thành công bình quân

4. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên phương thức và thời hạn thanh toán do PVFC quy định.
- Đối với cổ phần bán ra ngoài theo phương thức đấu giá công khai, phương thức và thời hạn thanh toán được quy định cụ thể trong **“Quy chế bán đấu giá bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài lần đầu ra bên ngoài của Công ty Tài chính Dầu khí”**
- Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài phương thức và thời hạn thanh toán do hai bên thỏa thuận trực tiếp.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Tài chính Dầu khí trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Tài chính Dầu khí cung cấp theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần Công ty Tài chính Dầu khí.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày... tháng ... năm 2007

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ
Tổng Giám đốc**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
Tổng Giám đốc**

TỔNG QUỐC TRƯỜNG

NGUYỄN DUY HÙNG